

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TP. HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----*&-----

Bản án số:373/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/07/2023

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Minh Cường

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Đệ

2. Bà Ngô Thị Yên

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trương Thị Hà – Cán bộ Toà án nhân dân Huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 31/07/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/07/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T – sinh năm 1988; Nơi cư trú: Xóm 3, Thôn C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T – sinh năm 1977; Nơi cư trú: Xóm 3, Thôn C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/03/2023 và các lời khai bổ sung, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Trọng T trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 25/12/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà chung sống tại Đ, B, Hà Nội, sau đó mua đất xây nhà sinh sống ổn định tại xóm 3, thôn C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh T nhiều lần xúc phạm danh dự và đánh đập vợ con, thời gian sau đó Anh T có xin lỗi và hứa thay đổi nhưng thực tế không có thay đổi gì. Bản thân chị đã nhiều lần tha thứ nhưng vì Anh T không thay đổi nên chị

đã sống ly thân từ tháng 9/2022. Nay chị xác định không còn tình cảm với Anh T, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn Anh T.

Về con: Chị và Anh T có 02 con chung là Nguyễn Trọng Hải N – sinh ngày 28/9/2011, Nguyễn Trọng Hải M – sinh ngày 09/01/2021. Hiện hai con đang ở cùng hai vợ chồng. Ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu Anh T cấp dưỡng. Anh T xin nuôi cháu Nam chị không đồng ý vì thực tế Anh T không quan tâm đến việc học hành của con, không quan tâm đến tâm sinh lý của con; Cách nuôi dạy con của Anh T cũng không đúng vì Anh T các buổi tối đều uống rượu, khi con sai điều gì hoặc không vừa ý điều gì về con thì Anh T lựa chọn cách đánh con thay vì khuyên bảo hoặc dùng lời nói. Ở trong nhà Anh T cũng thường xuyên nói tục chửi bậy như: Đ.m mày, chó,...Chị cho rằng như vậy sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của con. Hơn nữa, việc dạy con học hành từ khi con còn bé cho đến lúc con lớn đều do tôi dạy dỗ và con đã quen với việc đó. Mặt khác cháu N cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn nên chị đề nghị Tòa án xem xét. Chị hiện làm kỹ sư công nghệ thông tin, thu nhập trung bình 35.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị và Anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn, anh Nguyễn Trọng T trình bày: Anh nhất trí với trình bày của Chị T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống, từ năm 2021 đến nay giữa vợ chồng có xảy ra một số mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng có con thứ 2 nên nhiều sinh hoạt gia đình bị thay đổi. Vợ chồng bất đồng trong việc nuôi dạy con cái, con trai đầu nhiều khi bướng bỉnh khó bảo nên anh có vài lần nóng giận đánh con, Chị T can ngăn thì anh có bực tức và tát vợ nhưng không cố ý, sau đó anh đã xin lỗi Chị T nhưng Chị T không đồng ý.

Vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt quan hệ sinh lý từ tháng 9/2022 đến nay. Tuy nhiên khi ly thân vợ chồng vẫn sống chung nhà và vẫn trao đổi với nhau về việc của con cái. Nay Chị T xin ly hôn bản thân anh không muốn ly hôn và mong muốn Chị T suy nghĩ lại để cùng nuôi dạy con, nếu Chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con: Anh và Chị T có 02 con chung như Chị T trình bày ở trên. Từ ngày vợ chồng sống ly thân thì hai con chung ở cùng vợ chồng anh, ly hôn anh xin nuôi cháu Nguyễn Trọng Hải N, để Chị T nuôi cháu Nguyễn Trọng Hải M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh không đồng ý để Chị T nuôi cả hai con chung, anh không phải là người bỏ bê con cái như Chị T khai, anh vẫn đưa con đi học hàng ngày. Hiện anh làm kỹ sư xây dựng, thu nhập trung bình từ 20 đến 22 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị T và Anh T;

Về con chung: Giao cho Chị T nuôi cháu Nguyễn Trọng Hải M; Anh T nuôi cháu Nguyễn Trọng Hải N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T kết hôn với anh Nguyễn Trọng T trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 25/12/2009 vì vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm sống và phương pháp dạy con, hai bên đã sống ly thân từ tháng 9/2022. Nay Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, Chị T xin được ly hôn Anh T. Anh T không mong muốn ly hôn, nếu Chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của Chị T - giải phóng hôn nhân cho hai bên để họ sớm ổn định cuộc sống riêng.

* Về con: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Trọng T có 02 con chung (hiện nay đang ở chung với vợ chồng) là Nguyễn Trọng Hải N – sinh ngày 28/9/2011, Nguyễn Trọng Hải M – sinh ngày 09/01/2021.

Ly hôn, Chị T xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu Anh T cấp dưỡng. Anh T xin nuôi cháu Nam và để chị T nuôi cháu M.

Xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của cả hai bên đều là chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi con chung là cần căn cứ vào điều kiện của các bên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ. Hiện nay, cháu Nam đang theo học ở trường Trung học cơ sở D, hàng ngày Anh T và Chị T cùng có trách nhiệm đưa đón cháu đi học; cháu Minh còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi.

Cụ thể trong vụ án này cả hai bên đều có đủ điều kiện để nuôi con vì vậy cần giao cho mỗi bên nuôi một con chung và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho các bên là phù hợp.

Về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không giá ngạch để sung công quỹ nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 điều 28 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T; chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Nguyễn Trọng T. Quan hệ hôn nhân của các bên chấm dứt khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con: Xác định chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Trọng T có 02 con chung là Nguyễn Trọng Hải N – sinh ngày 28/9/2011, Nguyễn Trọng Hải M – sinh ngày 09/01/2021.

Ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị Bích T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng Hải Minh; giao cho anh Nguyễn Trọng T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng Hải Nam.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho các bên cho đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị T và Anh T đều có quyền đi lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Chị T phải chịu cả nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0006574 ngày 21/03/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

5. Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự đều có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Đ
- THA Đ.
- TAND thành phố Hà Nội
- Lưu hồ sơ.
- UBND xã Công Lý, huyện
Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Ngô Minh Cường

